

STUDENTS' COOPERATIVE SKILLS IN ONLINE LEARNING AT THE INDUSTRY UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY

Le Thi Huong

Email: lethihuong.009@iuh.edu.vn

Industry University of Ho Chi Minh City
12 Nguyen Van Bao street, Hanh Thong ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 18/12/2025

Revised: 15/5/2026

Accepted: 10/6/2026

Published: 15/7/2026

Abstract: In the context of digital transformation, online learning has been widely implemented across universities in Vietnam. To complete learning tasks in online environments as required by instructors, students need to develop a wide range of skills, among which cooperative skills play a particularly crucial role. Based on a survey of 577 second- and third-year students from three faculties at the Industry University of Ho Chi Minh City, the results indicate that students' cooperative skills in online learning are generally at a good level. Notably, skills such as task coordination, the use of online tools and platforms, and the organization of individual work to fulfill group responsibilities were rated as very good. However, time management, proactive collaboration, and conflict resolution skills were only assessed at an average level. Furthermore, significant differences in cooperative skills were observed between second- and third-year students and among students from the three faculties. The article also proposes several measures to improve cooperative skills to enhance students' academic performance in online learning environments within the study context.

Keywords: Study skills, online learning, cooperative skills in online learning, students' online learning.

KĨ NĂNG HỢP TÁC TRONG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Hương

Email: lethihuong.009@iuh.edu.vn

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
12 Nguyễn Văn Bảo, phường Hạnh Thông,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài: 18/12/2025

Chỉnh sửa xong: 15/5/2026

Chấp nhận đăng: 10/6/2026

Xuất bản: 15/7/2026

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, dạy học trực tuyến đã và đang triển khai mạnh mẽ ở nhiều trường đại học ở Việt Nam. Để thực hiện các nhiệm vụ học tập trong môi trường trực tuyến do giảng viên yêu cầu, đòi hỏi sinh viên phải có nhiều kĩ năng, trong đó kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến có vai trò rất quan trọng. Qua khảo sát 577 sinh viên năm thứ hai và thứ ba tại ba đơn vị đào tạo của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả cho thấy các kĩ năng hợp tác trong học tập đạt ở mức tốt. Nổi bật là các kĩ năng phối hợp thực hiện nhiệm vụ; kĩ năng ứng dụng công cụ và nền tảng trực tuyến và kĩ năng tổ chức công việc cá nhân để thực hiện trách nhiệm công việc được đánh giá ở mức rất tốt. Tuy nhiên, các kĩ năng quản lí thời gian; chủ động hợp tác và giải quyết mâu thuẫn trong học tập trực tuyến chỉ được đánh giá ở mức trung bình. Đặc biệt, có sự khác biệt đáng kể giữa sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba cũng như sinh viên của ba đơn vị đào tạo về các kĩ năng hợp tác trong học tập. Bài báo cũng đã đề xuất các biện pháp để cải thiện các kĩ năng hợp tác trong học tập nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên trong môi trường dạy học trực tuyến tại địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: Kĩ năng học tập, học tập trực tuyến, kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến, học tập trực tuyến của sinh viên.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục ứng phó với đại dịch COVID-19 cho đến giai đoạn phục hồi sau đại dịch và chuyển đổi số hiện nay, học tập trực tuyến được

đẩy mạnh và phát triển mạnh mẽ. Sự ra đời của dạy học trực tuyến được xem là một ứng dụng công nghệ truyền thông và thông tin nhằm mục đích tăng cường hiệu quả và tốc độ truyền tải tri thức. Dạy học

trực tuyến sở hữu những ưu điểm nội trội và được coi là một sản phẩm tất yếu của bối cảnh thời đại, có mối liên hệ mật thiết với sự phát triển của công nghệ số, Internet, đa phương tiện và World Wide Web (Bates, 2001). Học tập là hoạt động nhận thức của người học nhằm hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực theo mục tiêu giáo dục đã đề ra (Nguyễn Đắc Thanh & Trần Dương Quốc Hòa, 2023). Kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến là kỹ năng của người học trong việc tham gia và thực hiện các hoạt động hợp tác trong môi trường học tập trực tuyến đó. Nói một cách đơn giản, hợp tác bao hàm việc cùng hướng tới một mục tiêu chung. Một số nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, hoạt động dạy và học trực tuyến được triển khai theo Thông báo số 33/TB-ĐHCN ngày 31 tháng 3 năm 2020. Tuy nhiên, hạn chế lớn xuất phát từ điều kiện cơ sở vật chất của người học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, nơi sinh viên thiếu thiết bị và kết nối Internet ổn định. Điều này làm giảm cơ hội tương tác, khiến việc học trở nên nhàm chán và dễ dẫn đến bỏ học (Lê Thanh Hòa & Nguyễn Thị Minh Phượng, 2021). Để giải quyết được vấn đề này đòi hỏi phải đánh giá thực trạng kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên tại trường để có những biện pháp phát triển kỹ năng. Theo nghiên cứu của Phạm Thị Oanh và cộng sự (2021) cho rằng, mức độ tương tác, nỗ lực, hứng thú của sinh viên trong lớp học trực tuyến thấp hơn nhiều so với các lớp học truyền thống. Để giải quyết được vấn đề này đòi hỏi phải đánh giá thực trạng kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên tại trường để có những biện pháp phát triển kỹ năng.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng hỗn hợp các phương pháp: điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu hồ sơ và phỏng vấn sâu.

Đối với phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi 590 sinh viên, sau khi loại bỏ các phiếu trả lời không tin cậy và làm sạch dữ liệu đã loại bỏ tổng số phiếu khảo sát là 13 phiếu. Số sinh viên khảo sát đảm bảo độ tin cậy là 577 sinh viên gồm: 223 sinh viên năm thứ 2 và 354 sinh viên năm thứ ba đến từ ba đơn vị đào tạo là: (ngành 1) Viện Công nghệ Sinh học và Thực phẩm (223 sinh viên); (ngành 2) Khoa Công nghệ Cơ khí (163 sinh viên); (ngành 3) Khoa Công nghệ Động lực (191 sinh viên). Câu hỏi được thiết kế tập trung khảo sát đánh giá ý kiến của sinh viên về 10 kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến theo thang đo Likert 5

mức độ, với thang đo này, mỗi khoảng giá trị của thang đo là $4/5 = 0.8$ giá trị (Narlı, 2010). Do đó, quy ước để xử lý và bình luận dữ liệu cụ thể từ 1.00 → 1.8 mức độ “rất kém”; 1.81 → 2.60 mức độ “kém”; 2.61 → 3.40 mức độ “bình thường”; 3.41 → 4.20 mức độ “tốt” và 4.21 → 5.00 mức độ “rất tốt”. Dữ liệu thu được từ nghiên cứu thực trạng sẽ được xử lý bằng phương pháp định lượng dựa trên phần mềm SPSS 26.0. Cùng với thống kê về số lượng với các chỉ số thống kê được áp dụng là điểm trung bình, độ lệch chuẩn; thứ hạng, độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, Anova và Independent Samples T-test.

Đối với phương pháp nghiên cứu hồ sơ: Sử dụng phương pháp nghiên cứu hồ sơ gồm các văn bản triển khai của nhà trường liên quan đến dạy học trực tuyến, các chương trình đào tạo, đề cương học phần và kế hoạch dạy học của giảng viên; nghiên cứu từ các công trình của các tác giả khác để so sánh và phân tích nhằm làm rõ thực trạng vấn đề nghiên cứu.

Đối với phương pháp phỏng vấn sâu: Phương pháp này được sử dụng sau quá trình khảo sát bằng bảng hỏi nhằm làm rõ hơn kết quả từ ý kiến đại diện của sinh viên, giảng viên, tác giả đã thực hiện phỏng vấn 08 giảng viên và 10 sinh viên tại ba đơn vị trên nhằm thu thập thông tin bổ sung cho kết quả khảo sát và phân tích.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên

Kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến là khả năng của người học trong việc làm việc cùng nhau thông qua các công cụ và nền tảng kỹ thuật số để đạt được mục tiêu học tập chung. Trong môi trường số, người học cần sử dụng các thiết bị, phần mềm và khai thác thông tin, dữ liệu số để tương tác, phối hợp và hoàn thành nhiệm vụ dạy học mọi lúc mọi nơi (Koc & Barut, 2016; Makie và cộng sự, 2025). Kết quả khảo sát tự đánh giá của sinh viên về 10 kỹ năng hợp tác trong học tập kết quả như sau (xem Bảng 1).

Kết quả đánh giá 10 kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến (với độ tin cậy Cronbach's Alpha đạt 0.75, thể hiện tính ổn định của dữ liệu) cho thấy sinh viên đạt được mức độ thành thạo tương đối tốt ở phần lớn các kỹ năng. Cụ thể, 4/10 kỹ năng đạt mức tốt và 3/10 kỹ năng đạt mức rất tốt, trong khi ba kỹ năng còn lại chỉ dừng ở mức trung bình.

Các điểm mạnh nổi bật nhất nằm ở các kỹ năng phối hợp hành động đạt điểm trung bình cao nhất (4.37), cùng với kỹ năng ứng dụng công cụ và nền

Bảng 1: Mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên

TT	Kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ hạng
KN1	Kỹ năng phối hợp hành động	4.37	.853	1
KN 2	Kỹ năng quản lý thời gian trong học tập trực tuyến	2.80	.819	10
KN 3	Kỹ năng tổ chức công việc cá nhân để thực hiện trách nhiệm công việc trong học tập trực tuyến	4.21	.974	3
KN 4	Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong học tập trực tuyến	3.27	.668	8
KN 5	Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp của cá nhân trong học tập trực tuyến	3.69	.601	7
KN 6	Kỹ năng chủ động tương tác với các thành viên khác trong học tập trực tuyến	2.90	.731	9
KN 7	Kỹ năng ứng dụng công cụ và nền tảng trực tuyến	4.34	.972	2
KN8	Kỹ năng tư duy phản biện khi thực hiện nhiệm vụ nhóm trong học tập trực tuyến	4.15	.995	5
KN9	Kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập trực tuyến	4.14	1.033	6
KN10	Xây dựng quan hệ với các thành viên trong học tập trực tuyến	4.17	.983	4
Trung bình			3.80	
Cronbach's Alpha			0.75	

(Nguồn: Tác giả khảo sát)

tăng trực tuyến đạt (4.34) và kỹ năng tổ chức công việc cá nhân (4.21), đều nằm trong mức rất tốt. Điều này khẳng định sinh viên có khả năng điều chỉnh công việc, tổ chức việc cá nhân và tận dụng công nghệ để làm việc nhóm một cách xuất sắc. Xét cụ thể từng kỹ năng, trước hết, kỹ năng phối hợp hành động thể hiện việc sinh viên điều chỉnh các hoạt động độc lập của mình nhằm bắt nhịp và đồng hành cùng với các thành viên khác trong nhóm, lớp của mình để thực hiện mục tiêu chung trong học tập ở môi trường trực tuyến. Trong bối cảnh học trực tuyến, kỹ năng này biểu hiện qua việc thống nhất khung thời gian, phân định vai trò và trách nhiệm rõ ràng, đồng thời đảm bảo sự tích hợp liên mạch các sản phẩm cá nhân vào kết quả chung của nhóm. Người học phải thể hiện trách nhiệm kép đối với cả nhiệm vụ riêng và thành tích tập thể (Nahar & Machado, 2025). Lí giải cho kỹ năng này và kỹ năng tổ chức công việc cá nhân được đánh giá nhóm rất tốt, các giảng viên được hỏi lí giải đồng như quan điểm của giảng viên mã số GV01: “Điều đáng mừng nhất là khi sinh viên vào năm nhất trường đã triển khai các học phần về kỹ năng mềm cho họ, trong các chương trình đó luôn đề cao đến sự phối

hợp và trách nhiệm của cá nhân sinh viên với các hoạt động chung của nhóm, của lớp, của khoa và trường. Điều này đã được sinh viên áp dụng vào thực tiễn học tập trực tuyến”. Tiếp theo, giảng viên mã số GV06 cho rằng: “Đánh giá hoạt động nhóm trên hệ thống LMS, giảng viên kết hợp điểm đánh giá đồng đẳng để xác định điểm cá nhân, nên sinh viên trong cùng nhóm có thể nhận điểm khác nhau tùy mức độ đóng góp. Cách làm này khuyến khích sinh viên có tinh thần trách nhiệm và hợp tác hiệu quả hơn trong học tập trực tuyến”.

Kỹ năng ứng dụng công cụ và nền tảng trực tuyến này thể hiện người học cần thành thạo việc khai thác các công cụ hỗ trợ để học tập trực tuyến gồm các công cụ cơ bản để đáp ứng việc học tập, các nền tảng trực tuyến để tổ chức học nhóm cần được trang bị (Mengual và cộng sự, 2016). Kỹ năng này được sinh viên đánh giá mức rất tốt, xếp thứ hai trong các kỹ năng được khảo sát. Nghiên cứu hồ sơ về quy định dạy học trực tuyến của trường thể hiện: Công cụ tương tác trực tuyến thời gian thực giữa giảng viên với người học và người học với người học: Nhà trường sử dụng phần mềm LMS, Zoom, MS Teams là những công cụ chính cho tương tác này. Ngoài

chức năng tương tác, phần mềm LMS, Zoom và MS Teams cũng được sử dụng như công cụ theo dõi, giám sát quá trình học tập; giám sát quá trình thi và kiểm tra (nếu thực hiện thi, kiểm tra trực tuyến). Ngoài ra, nhà trường cho phép giảng viên được sử dụng các công cụ tương tác trực tuyến khác trong hoạt động dạy - học trực tuyến nhưng phải được sự đồng ý của trường đơn vị và phải đảm bảo các yêu cầu theo quy định. Hệ thống quản lý học tập LMS cung cấp nguồn học liệu điện tử và quản lý học tập của người học đối với các lớp học phần dạy - học trực tuyến bao gồm các hoạt động chính như thực hiện đánh giá quá trình, giao bài tập, sửa bài tập, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ, chấm điểm và quản lý điểm, phản hồi cho người học. Kỹ năng này của sinh viên được đánh giá cao bởi lý do chính yếu như giảng viên mã GV02 nhận xét: *“Việc hỗ trợ sinh viên học tập trực tuyến, trường giao nhiệm vụ cho ba đơn vị là Trung tâm Quản trị hệ thống, Trung tâm Công nghệ thông tin, khoa Công nghệ thông tin tập huấn và cung cấp cho sinh viên các tài liệu trong sử dụng công cụ, nền tảng học tập trực tuyến từ năm thứ nhất, do đó kỹ năng này sinh viên thực hiện khá thành thạo”*. Hơn nữa, tiến trình học tập từ thu nhận kiến thức mới, đến ôn tập, kiểm tra, đánh giá đều được thực hiện trên nền tảng này nên sinh viên buộc phải rèn luyện mới đáp ứng được nhiệm vụ học tập, nhất là thực hiện bài kiểm tra, đánh giá. Để khẳng định thêm cho minh chứng này, giảng viên mã GV04 cho biết: *“Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên trong việc sử dụng các công cụ học tập trực tuyến. Trung tâm Quản trị hệ thống vận hành trang thông tin <https://csm.iuh.edu.vn>, cung cấp hướng dẫn chi tiết về tạo email học tập, truy cập và sử dụng hệ thống LMS, thiết kế và đăng tải tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giảng viên biên soạn học liệu điện tử, góp phần tăng cường khả năng tương tác và hợp tác học tập của sinh viên trong môi trường số. Trung tâm Công nghệ thông tin thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin; Khoa Công nghệ Thông tin biên soạn giáo trình, tài liệu... về sử dụng công cụ học tập trực tuyến, đồng thời triển khai các khóa tập huấn về trí tuệ nhân tạo (AI) dành cho giảng viên và mở rộng cho sinh viên”*.

Giao tiếp là kỹ năng nền tảng cốt lõi của hợp tác. Trong môi trường số hóa, người học cần khả năng truyền đạt thông tin một cách minh bạch, cô đọng và hiệu quả qua đa kênh. Điều này bao gồm việc lắng nghe tích cực, phản hồi kịp thời và điều chỉnh phong cách giao tiếp cho phù hợp với từng đối tượng và ngữ cảnh cụ thể, đồng thời tôn trọng sự đa dạng về quan điểm và cá nhân trong việc học trực

tuyến (Mengual và cộng sự, 2016; Nahar & Machdo, 2025). Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong học tập trực tuyến, kỹ năng này là kỹ năng được xếp trong nhóm tốt (3.69). Lý do kỹ năng này được đánh giá tốt một phần do các học phần kỹ năng mềm của nhà trường triển khai có hiệu quả. Nghiên cứu tài liệu học tập, bài giảng và kế hoạch giảng dạy của giảng viên về chương trình kỹ năng mềm dễ dàng nhận thấy kỹ năng giao tiếp có thời lượng học tập cao. Kỹ năng tư duy phản biện thể hiện sinh viên phải phân tích được chuyên sâu thông tin, đánh giá đa chiều các quan điểm khác nhau và cùng nhau tìm kiếm các giải pháp sáng tạo cho các thách thức học tập hoặc dự án. Kỹ năng này đóng vai trò thiết yếu trong việc đưa ra các quyết định chung có cơ sở trong hoạt động nhóm (Mengual và cộng sự, 2016), Bên cạnh đó, xây dựng quan hệ với các thành viên trong học tập trực tuyến thể hiện trong môi trường học tập trực tuyến, người học cần chủ động khởi xướng việc giới thiệu, chia sẻ ý tưởng, đặt câu hỏi và phản hồi trong các phiên học. Việc tham gia vào các mạng lưới xã hội học thuật, nền tảng kết nối của tổ chức, hoặc các buổi học nhóm không chính thức cùng với việc chia sẻ tài nguyên, là những biện pháp nhằm thiết lập mạng lưới quan hệ và tăng cường sự kết nối hợp tác (Wild & Schulze, 2020). Cùng lý do trên, hai kỹ năng này cũng được đánh giá ở mức tốt lần lượt có điểm trung bình là 4.14 và 4.17.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên bộc lộ những hạn chế đáng kể ở ba kỹ năng đều chỉ đạt mức trung bình (có điểm trung bình dưới 3.40). Thách thức lớn nhất nằm ở kỹ năng quản lý thời gian, xếp hạng thấp nhất (2.80), cho thấy sinh viên gặp khó khăn trong việc tự quản lý thời gian để hoàn thành tiến độ nhóm trong môi trường trực tuyến. Các sinh viên được hỏi về nguyên nhân trong kỹ năng quản lý thời gian được xếp thấp nhất lý giải: *“Kỹ năng quản lý thời gian của sinh viên khi học tập trực tuyến, một phần do sự thiếu sự kiểm soát bên ngoài (của người thân, thầy cô) và tính tự kỷ luật của độ tuổi sinh viên còn thấp. Nhiều nội dung học tập không có sự tương tác của giảng viên, sinh viên không có giờ học cố định và sự giám sát trực tiếp từ giảng viên khiến ranh giới giữa học tập và nghỉ ngơi bị xóa nhòa, thói quen trì hoãn phát triển mạnh. Sinh viên phải đối mặt với môi trường dễ xao nhãng tại nhà và khối lượng lớn tài liệu điện tử trên hệ thống LMS, dẫn đến tình trạng choáng ngợp và lãng phí thời gian vào những nhiệm vụ kém ưu tiên hơn. Hơn nữa, những hạn chế trong kỹ năng hợp tác trực tuyến (như thiếu chủ động tương tác) càng làm trầm trọng thêm vấn đề này”*.

Kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến đòi hỏi sinh viên phải chủ động tương tác với bạn bè để giải hòa mình vào giải quyết nhiệm vụ chung. Tuy nhiên, kĩ năng chủ động tương tác lại có đánh giá cũng ở mức trung bình (2.90). Tìm hiểu thêm về nguyên nhân có kết quả này, giảng viên có mã số GV05 và các sinh viên được phỏng vấn đều nhận định: *“Sự thiếu chủ động tương tác trong học tập trực tuyến bắt nguồn từ việc sinh viên phải vượt qua những rào cản tâm lí lớn trong môi trường thiếu các tín hiệu xã hội để tương tác như môi trường học tập trực tiếp. Do thiếu các tín hiệu phi ngôn ngữ (ngôn ngữ cơ thể, nét mặt) qua màn hình, sinh viên khó nhận diện được đối tượng giao tiếp, họ thường cảm thấy ngại, sợ bị hiểu lầm ý kiến và đôi lúc sợ xâm phạm không gian riêng tư của người khác khi chủ động bắt đầu liên hệ, dẫn đến tâm lí chờ đợi và không chủ động tương tác để thực hiện nhiệm vụ học tập”*. Ngoài ra, các sinh viên có mã số SV01, SV02, SV10 còn giải thích thêm: *“Vấn đề này càng trầm trọng hơn do những thách thức từ công cụ học tập trực tuyến bởi lẽ tại trường phải học qua nhiều công cụ học tập trực tuyến. Để giải quyết các nhiệm vụ học tập đa dạng, nhiều nhóm ở nhiều học phần khác nhau, sinh viên tương tác thường diễn ra qua nhiều kênh (LMS, Zalo, Email, Drive....) dẫn đến việc thông tin không được phản hồi ngay lập tức, ngắt quãng việc đối thoại và giảm hứng thú duy trì liên lạc”*. Sự quá tải thông tin và thiếu rõ ràng về kênh giao tiếp hiệu quả khiến sinh viên thường thiếu chủ động thiết lập hoặc thúc đẩy các cuộc thảo luận, thay vào đó chỉ giới hạn tương tác vào những nhiệm vụ bắt buộc phải làm. Trong khi đó, các sinh viên mã số SV03, SV05, SV06 có góc nhìn khác đó là: *“Do môi trường đại học học theo học chế tín chỉ nên sinh viên sẽ đăng kí các học phần học tập phù hợp với thời gian biểu của cá nhân. Do đó, mỗi lớp học phần thường không có ổn định về các thành viên trong nhóm hay lớp, nghĩa là một sinh viên trong học kì sẽ phải tham gia rất nhiều nhóm học tập trực tuyến, việc này dẫn đến việc thay đổi thành viên liên tục, lại ít quen biết nhau nên tâm lí rất ngại khi chủ động tương tác với nhau”*. Ngoài ra, các sinh viên mã số SV04, SV07 lí giải thêm nguyên nhân: *“Do thời gian học tập một học phần chỉ kéo dài trong một học kì, sẽ thay đổi thành viên nhóm, lớp khi sang học kì khác chưa kể nhiều học phần, sinh viên các khóa, các chuyên ngành khác nhau học chung cùng một lớp trực tuyến nên càng thêm khoảng cách trong thiết lập tương tác”*.

Mâu thuẫn là hiện tượng không thể tránh khỏi trong các nhóm làm việc. Kĩ năng này cho phép người học nhận diện, phân tích các bất đồng quan điểm hoặc xung đột cá nhân và tìm kiếm giải pháp mang tính xây dựng. Đặc biệt trong môi trường trực

tuyến, việc giải quyết mâu thuẫn đòi hỏi sự tinh tế trong giao tiếp thông qua văn bản hoặc tương tác thông qua các nền tảng trực tuyến nhằm ngăn ngừa hiểu lầm giao tiếp (Aesaert và cộng sự, 2015; Nahar & Machdo, 2025). Tuy vậy, kết quả khảo sát về kĩ năng giải quyết mâu thuẫn có điểm trung bình chung khá thấp (3.27), được sinh viên đánh giá ở mức trung bình, phản ánh thực tế sinh viên sự thiếu chủ động trong giao tiếp và khả năng xử lí các vấn đề xã hội phức tạp trong nhóm. Qua phỏng vấn về nguyên nhân này, nhiều sinh viên cũng có chung quan điểm như sinh viên có mã số SV08, SV09 luận giải: *Mâu thuẫn khi hợp tác trong học tập trực tuyến vẫn luôn diễn ra nhưng chủ yếu xuất phát từ mâu thuẫn quan điểm về nội dung giải quyết trong học tập, tuy nhiên do thực hiện nhiệm vụ học tập trên môi trường trực tuyến nên sinh viên thường có xu hướng lơ đãng và ít cùng nhau giải quyết mâu thuẫn đó đến cuối cùng. Khó khăn về khoảng cách khi phải hợp tác qua nền tảng công nghệ và thiết bị điện tử nên việc giải quyết mâu thuẫn lại càng khó khăn hơn, khó diễn đạt ý với nhau hơn*.

Như vậy, kết quả nghiên cứu thực trạng về mức độ kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên tại địa bàn khảo sát có sự phân hóa và chia làm ba mức độ. Đây là căn cứ quan trọng để nhà trường tiếp tục có phương án hỗ trợ sinh viên phù hợp nhất. Mặc dù sinh viên có thể làm việc hiệu quả khi được giao nhiệm vụ rõ ràng trong học tập trực tuyến, nhưng họ cần được cải thiện đáng kể về kỉ luật cá nhân (quản lí thời gian) và kĩ năng mềm tương tác (chủ động giao tiếp và giải quyết mâu thuẫn) để nâng cao chất lượng hợp tác học tập trực tuyến.

3.2. Sự khác biệt trong kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên

Để kiểm tra sự khác biệt kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên, nghiên cứu tiến hành đánh giá qua thống số Anova. Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, có sự khác biệt về kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến giữa ba đơn vị đào tạo. Đáng chú ý có sự khác biệt giữa sinh viên các đơn vị đào tạo, cụ thể sinh viên Viện Công nghệ Sinh học thực phẩm (ngành 1) và Khoa Công nghệ Động lực (ngành 3); Khoa Công nghệ Cơ khí (ngành 2) và Khoa Công nghệ Động lực (ngành 3), chỉ không có sự khác biệt giữa sinh viên Viện Công nghệ Sinh học thực phẩm (ngành 1) và Khoa Công nghệ Cơ khí (ngành 2).

Sinh viên từ ngành 1 thường làm việc với các dự án có tính chất quy trình, công thức và tiêu chuẩn rõ ràng, đòi hỏi sự phối hợp nhóm chặt chẽ trong việc thử nghiệm và đánh giá chất lượng. Ngược lại,

sinh viên ngành 2 và ngành 3 thường tập trung vào các dự án thiết kế, mô phỏng và chế tạo sản phẩm vật lý (máy móc, chi tiết), yêu cầu sự phân công chuyên môn sâu và áp dụng công cụ mô hình hóa trực tuyến phức tạp hơn (điểm này có thể làm tăng điểm kỹ năng ứng dụng công cụ). Sự khác biệt về vật chất sản phẩm tạo ra sự khác biệt về nhu cầu tương tác và phối hợp. Điểm khác tiếp theo là đối với các ngành 2, 3 là các ngành kỹ thuật như cơ khí và ô tô có xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào các phần mềm chuyên dụng (CAD/CAM, AutoCAD, mô phỏng) cho công việc nhóm. Sự thành thạo trong việc sử dụng chung các công cụ này (như chia sẻ mô hình 3D, làm việc trên cùng một bản vẽ thiết kế) có thể làm tăng điểm cao hơn ở kỹ năng ứng dụng công cụ và nền tảng trực tuyến so với ngành 1, nơi sự tương tác tập trung nhiều hơn vào tài liệu và dữ liệu thí nghiệm. Qua phỏng vấn sâu hơn về lý do khác biệt này, các giảng viên có mã số GV04, GV05 đánh giá: *“Đặc điểm hoạt động học tập, hoạt động nghề nghiệp và kỹ năng mềm của sinh viên các ngành khác nhau, ngành Công nghiệp thực phẩm thường có sự giao thoa lớn với các hoạt động thử nghiệm, thuyết trình và bảo quản chất lượng, đòi hỏi sinh viên phải có khả năng giao tiếp, điều chỉnh giao tiếp và xây dựng quan hệ tốt hơn khi làm việc với các bên liên quan. Trong khi đó, các ngành Cơ khí và Ô tô thường ưu tiên tư duy phản biện và giải quyết vấn đề kỹ thuật cá nhân hoặc nhóm nhỏ, có thể dẫn đến mức độ ưu tiên kỹ năng mềm kém hơn trong đánh giá tổng thể. Các dự án của ngành Cơ khí và Ô tô có thể đòi hỏi tính chuyên môn hóa cao ngay từ giai đoạn đầu, khiến sinh viên phải tổ chức công việc cá nhân rất nghiêm ngặt để đáp ứng tiến độ của dự án chung. Điều này buộc họ phải cải thiện kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc cá nhân”*

(mặc dù kết quả khảo sát tại mục 3.1 trên kỹ năng này được đánh giá điểm chung thấp, nhưng giữa các ngành vẫn có sự phân hóa về nhu cầu cải thiện). Sinh viên ngành Thực phẩm có thể có nhiều học phần yêu cầu làm việc nhóm tại phòng thí nghiệm hoặc xưởng thực hành. Sự tương tác trực tiếp này giúp củng cố mối quan hệ và khả năng phối hợp hành động, từ đó được chuyển hóa sang môi trường trực tuyến dễ dàng hơn. Ngược lại, sinh viên hai ngành Cơ khí và Ô tô có ít cơ hội thực hành thực tế hơn hoặc dự án cá nhân hóa cao hơn. Họ sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc chủ động tương tác trong môi trường ảo, nơi kỹ năng này bị đánh giá thấp nhất.

Đánh giá sự khác biệt giữa các kỹ năng học tập trực tuyến của nhóm sinh viên, kết quả so sánh thể hiện tại Bảng 3 cho thấy có sự khác biệt về kỹ năng học tập trực tuyến các nhóm sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba.

Qua nghiên cứu hồ sơ các chương trình đào tạo của sinh viên năm thứ hai, năm thứ ba tại ba đơn vị đào tạo cho thấy: Sinh viên năm 3 đã hoàn thành các môn học đại cương và đang đi sâu vào chuyên ngành hẹp, đối với nhiệm vụ học tập trực tuyến, nơi các dự án và bài tập nhóm thường phức tạp hơn, đòi hỏi kiến thức chuyên môn sâu và trách nhiệm cá nhân cao. Trong khi đó, sinh viên năm thứ hai vẫn còn làm quen với các môn cơ sở ngành và phương pháp học đại học. Mức độ phức tạp và tính chuyên môn hóa của nhiệm vụ nhóm ở năm thứ ba buộc sinh viên phải cải thiện các kỹ năng như tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong nhóm. Bên cạnh đó, sinh viên năm thứ ba đã có ít nhất bốn kỳ học để trải nghiệm nhiều hình thức làm việc nhóm khác nhau trong môi

Bảng 2: Sự khác biệt về kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên giữa các đơn vị đào tạo

Dependent Variable: KNTB Tukey HSD						
(I) Ngành	(J) Ngành	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
1	2	-.10842	.04810	.063	-.2214	.0046
	3	-.40840*	.04648	.000	-.5176	-.2992
2	1	.10842	.04810	.063	-.0046	.2214
	3	-.29999*	.04447	.000	-.4045	-.1955
3	1	.40840*	.04648	.000	.2992	.5176
	2	.29999*	.04447	.000	.1955	.4045

Bảng 3: Sự khác biệt trong kỹ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba

		Levene's Test for Equality of Variances				T-test for Equality of Means				
		F	Sig.	t	df	Sig. tailed (2-)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
KNTB	Equal variances assumed	40.190	.000	-9.227	575	.000	-.35616	.03860	-.43197	-.28034
	Equal variances not assumed			-8.498	353.294	.000	-.35616	.04191	-.43859	-.27373

trường trực tuyến, họ đã trải qua nhiều thành công và thất bại trong học tập ở môi trường số. Những kinh nghiệm này giúp họ nhận ra điểm yếu và điều chỉnh hành vi, từ đó cải thiện đáng kể kỹ năng quản lý thời gian cá nhân trong nhóm, tổ chức công việc và phối hợp hành động trong nhóm khi học trực tuyến. sinh viên năm 2 vẫn đang ở giai đoạn học hỏi và thử nghiệm, trải nghiệm ban đầu nhiều hơn.

Ở một góc độ khác, các các giảng viên có mã số GV 07, GV 08 cho rằng: *Sinh viên năm 3 thường đã có sự trưởng thành lớn hơn về mặt xã hội. Họ ít ngại mâu thuẫn hơn, học cách điều chỉnh giao tiếp một cách linh hoạt và chuyên nghiệp hơn để giữ hòa khí nhóm nhưng vẫn đạt mục tiêu công việc học tập trực tuyến. Việc này giúp họ xử lý các xung đột nhóm hiệu quả hơn và thúc đẩy kỹ năng xây dựng quan hệ cần thiết cho sự hợp tác lâu dài. Có thể thấy, do đã trải qua nhiều kì học với khối lượng công việc lớn, sinh viên năm 3 thường phát triển tính tự lập và chủ động cao hơn. Họ có xu hướng chủ động tương tác và tìm kiếm giải pháp hơn là chờ đợi sự chỉ dẫn từ giảng viên hoặc thành viên nhóm khác. Tính chủ động này là cần thiết để đối phó với sự phức tạp của các dự án chuyên ngành phải thực hiện nhiệm vụ trên nền tảng trực tuyến. Thông tin phỏng vấn các sinh viên, nhiều ý kiến đồng thuận lí do khác biệt như ý kiến của các sinh viên có mã SV06, SV09: “Sinh viên năm thứ ba bắt đầu có áp lực rõ ràng hơn về thực tập và việc làm”. Điều này khiến họ nhận thức được tầm quan trọng của các kỹ năng hợp tác như là hành trang nghề nghiệp bắt buộc, không chỉ là yêu cầu của môn học kể cả học trực tiếp hay trực tuyến. Chính định hướng mục tiêu thực tế này thúc đẩy họ nỗ lực hơn trong việc hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, đặc biệt là kỹ năng ứng dụng công cụ và giao tiếp chuyên nghiệp.*

Từ những kết quả và bình luận trên, đây là những căn cứ khoa học quan trọng để nhà trường đưa ra các hướng hỗ trợ sinh viên, có thể thấy nhà trường cần tập trung xử lý các vấn đề sau để sinh viên phát triển kỹ năng hợp tác trong học tập được tốt hơn: 1) Cần thiết kế lại các học phần kỹ năng mềm để tích hợp sâu hơn nội dung về quản lý thời gian và chống trì hoãn đặc thù cho môi trường trực tuyến. Chương trình này nên sử dụng chính các công cụ trực tuyến mà sinh viên thành thạo để huấn luyện cách thiết lập lịch trình chung, theo dõi tiến độ công việc một cách tự giác và có hệ thống. 2) Nhà trường nên chuẩn hóa và tối giản hóa các công cụ giao tiếp bắt buộc cho sinh viên (ngoài LMS) để tránh tình trạng quá tải thông tin và phân tán kênh tương tác. Đồng thời, tổ chức các buổi tập huấn chuyên sâu để giúp sinh viên vượt qua rào cản tâm lí (sợ làm phiền, sợ bị hiểu lầm) và tăng tính chủ động tương tác trong môi trường học tập trực tuyến. 3) Giảng viên cần thiết kế các hoạt động nhóm khi làm việc trực tuyến, tìm kiếm hợp lí để thu nhận thông tin phản hồi của sinh viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Điều này nhằm ngăn chặn xu hướng lơ đãng, mâu thuẫn và buộc sinh viên học cách phân tích, tìm kiếm giải pháp mang tính xây dựng khi hợp tác qua nền tảng công nghệ. 4) Chương trình học tập trực tuyến cần cân nhắc cho sinh viên năm 2 nên tập trung vào trải nghiệm cơ bản và thích nghi môi trường số, trong khi chương trình cho sinh viên năm 3 nên hướng tới áp lực chuyên môn, định hướng nghề nghiệp và kỹ năng giải quyết vấn đề phức tạp trên nền tảng trực tuyến. 5) Giảng viên nên tích hợp việc đánh giá sự đóng góp cá nhân (như sử dụng tính năng đánh giá đồng đẳng trên LMS) và yêu cầu sử dụng các công cụ quản lý dự án để công khai hóa tiến độ. Điều này

sẽ tận dụng sự thành thạo công nghệ của sinh viên để củng cố trách nhiệm cá nhân và kỉ luật quản lí thời gian trong nhóm học trực tuyến.

4. Kết luận

Nghiên cứu về thực trạng kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh là một đóng góp quan trọng, cung cấp bức tranh toàn diện và chi tiết về mức độ thành thạo kĩ năng cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số. Bài viết đánh giá định lượng kĩ năng học tập hợp tác và nhiều kĩ năng ở mức tốt và rất tốt. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng đã chỉ ra ba điểm yếu cốt lõi cần can thiệp cấp thiết kĩ năng quản lí thời gian, kĩ năng chủ động tương tác và kĩ năng giải

quyết mâu thuẫn. Việc xác định rõ sự khác biệt đáng kể giữa sinh viên năm thứ hai và năm thứ ba cũng như giữa các khoa đào tạo là một đóng góp quan trọng, cung cấp căn cứ vững chắc để nhà trường thiết kế các giải pháp hỗ trợ phân cấp và phù hợp theo từng đối tượng sinh viên. Từ kết quả nghiên cứu mở hướng cho nhiều hướng nghiên cứu tiếp theo, nhất là nghiên cứu sâu hơn về để giải quyết ba kĩ năng còn yếu. Thực hiện nghiên cứu sâu để theo dõi và đánh giá sự phát triển kĩ năng hợp tác trong học tập trực tuyến, tìm các yếu tố và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự phát triển kĩ năng này của sinh viên xuyên qua đó xây dựng các chương trình đào tạo theo thời gian, từ đó nâng cao chất lượng dạy và học trực tuyến một cách bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Aesaert, K., Van Braak, J., Vandewalle, E. & Van Keer, H. (2015). The contribution of the underlying dimensions of the primary students' perceived ICT competence scale to their use of ICT in the classroom. *Computers in Human Behavior*, 50, pp.197-208. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.chb.2015.04.001>.
- Bates, T. (2001). National strategies for e-learning in post-secondary education and training. *Published by the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization*, 26, pp.268-271.
- Koc, S. & Barut, E. (2016). Development and validation of a scale for measuring preservice teachers' information and communication technologies competencies. *Journal of Educational Computing Research*, 54(6), pp.785-804. <https://doi.org/https://doi.org/10.1177/0735633115627821>.
- Lê Thanh Hòa & Nguyễn Thị Minh Phượng. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả dạy và học trực tuyến các môn lí luận chính trị tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 50, tr.235-246.
- Makie, G. C., Datario, M. R. V. & Vidal, J. N. C. (2025). The influence of online learning on the academic and social behaviors of college students. *Journal of Interdisciplinary Perspectives*, 3(4), pp.274-281. <https://doi.org/https://doi.org/10.69569/jip.2025.163>.
- Mengual-Andrés, J. C., Roig-Vila, R. & Marín, V. (2016). Development and validation of the scale of digital competence for teachers. *Revista de Educación*, 371, pp.53-76. <https://doi.org/https://doi.org/10.4438/1988-592X-RE-2016-371-328>.
- Nahar, L. & Machado, C. (2025). Inquiry-based learning in Bangladesh: Insights into middle and high school students' experiences and 21st century skill development. *Disciplinary and Interdisciplinary Science Education Research*, 7(1). <https://doi.org/https://doi.org/10.1186/s43031025-00122-2>.
- Narli, S. (2010). An alternative evaluation method for Likert type attitude scales: Rough set data analysis. *Scientific Research and Essays*, 5(6), pp.519-528.
- Nguyễn Đức Thanh & Trần Dương Quốc Hòa. (2023). *Đánh giá kết quả hoạt động học tập ở trường tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tr.8-14.
- Phạm Thị Oanh, Đào Thị Ánh Nguyệt, Đỗ Thị Thìn, Lí Thanh Bình & Nguyễn Thị Ngọc Diệp. (2021). Đánh giá của giảng viên về hiệu quả giảng dạy online tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 50, tr.221-234.
- Wild, S. & Schulze Heuling, L. (2020). How do the digital competences of students in vocational schools differ from those of students in cooperative higher education institutions in Germany. *Empirical Research in Vocational Education and Training*, 12(1), 5. <https://doi.org/https://doi.org/10.1186/s40461-020-00091-y>.
- Zhao, Y., Pinto Llorente, A. M. & Sánchez Gómez, M. C. (2022). A model for incorporating information literacy and collaboration in a project-based learning pedagogical exercise with application to a fluid mechanics course. *International Journal of Mechanical Engineering Education*. <https://doi.org/https://doi.org/10.1177/03064190221081450>.